



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 057954

VEWL.# 024057

I-171 : Yes, No

EXIT VISA: Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Van Nguyen
Last Middle First

Current Address 118 Phan Đăng Hưng P.7 Quận I Ho Chi Minh City

Date of Birth August 20 - 1947 Place of Birth Quảng Bình

Previous Occupation (before 1975) Captain 10Y
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 24-1975 To Jan 02-1985

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Pham thi Chat loan	Oct. 25-1948	Wife

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

16. ADDITIONAL INFORMATION :

ODP CHECK FORM

Date: 11/17

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: Nguyen van Nylua

Date of Birth: 8-20-47

Address in VN _____

Number of Accompanying Relatives: _____

Reeducation Time: _____ Years _____ Months _____ Days

IV # _____

VEWL # _____

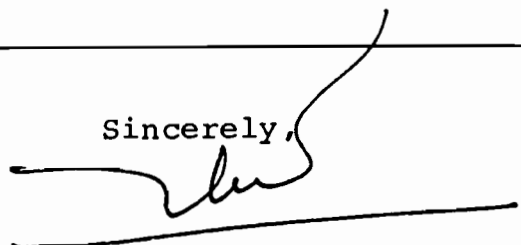
I-171 : _____ Yes; _____ No. - EXIT PERMIT: _____ Yes ; _____ No.

Special List # _____

Sponsor: Pham Thi Chai Loan

Remarks:
(From Mr. Sullivan)

Sincerely,



KHUC MINH THO

Tel.

REPUBLIC OF VIETNAM
SAIGON CAPITAL CITY
DISTRICT: I
Code No.: 97

EXTRACT OF MARRIAGE CERTIFICATE

90/100
000
man D

Full name of the Husband : NGUYEN VAN NGHIA
Date of Birth : August 20, 1947
Place of birth : Thanh My Tay Gia Dinh
Residence : Saigon, 1/B Tu Duc
Full name of Husband's father : Nguyen Van Le (dead)
Full name of Husband's mother : Le Thi Chau
Full name of the Wife : PHAM THI CHAT LOAN
Occupation : Student
Date of birth : October 25, 1948
Place of birth : Khae Chanh Quang Yen
Residence : Saigon, 4A Tu Duc
Full name of Wife's father : Pham Van Khai
Full name of Wife's mother : Vu Thi Gai
Date of Marriage : April 14, 1971

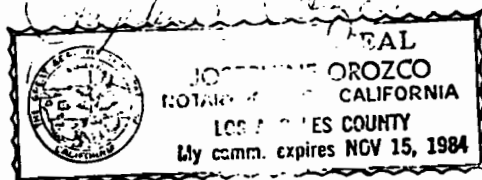
CONFORMED EXTRACT FROM ORIGINAL

Saigon, on 04/14/1971
The Civil Status Officer,
Signed & Sealed:

LE TAN THO

Los Angeles County)
State of California) ss

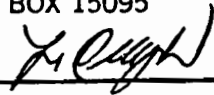
NOTARY PUBLIC:
Subscribed and sworn to
before me this 06TH day
of APRIL 1983



TRANSLATOR: LE VAN BAN
Certify true and correct translation

IMMIGRATION AND CITIZENSHIP DEPARTMENT
OF THE CATHOLIC WELFARE BUREAU
ARCHDIOCESE OF LOS ANGELES
1400 W. 9th STREET, LOS ANGELES, CALIF.

P.O. BOX 15095


QUYNH LE, Supervisor.

VIỆT NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN Nhứt

Số hiệu 97

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG NGUYỄN VĂN NGHĨA

nghề-nghiep Quân nhân

sinh ngày hai mươi tháng tám năm một ngàn
chín trăm bốn mươi bảy tại Thanh Mỹ Tây Gia Định

cư trú tại Saigon, 1/B Tự Đức

tạm trú tại /

Tên họ cha chồng Nguyễn Văn Lễ (chết)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Lê Thị Châu

(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ PHẠM THỊ CHẤT LOAN

nghề-nghiep Sinh viên

sinh ngày hai mươi lăm tháng mười một năm một ngàn chín
trăm bốn mươi tám tại Khê Chanh Quảng Yên

cư trú tại Saigon, 4A Tự Đức

tạm trú tại /

Tên họ cha vợ Phạm Văn Khai

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Vũ Thị Gái

(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn-thú 14 tháng 04 năm 1971

Vợ chồng khai có hay không /

ngày / tháng / năm /

tại /

TRÍCH LỤC Y BỐN CHÁNH:

Saigon, ngày 14 tháng 04 năm 1971

KT. QUẢN TRƯỞNG QUẬN Nhứt,
Viên-Chức Hộ-Tịch,



[Handwritten signature]
Thủ Đốc Sự

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

NAME: NGUYEN VAN NGHIA

OTHER NAMES USED:

SEX: M DOB: (MMDDYY) 08/20/47 COB: VN
ADDRESS IN VIETNAM:118 PHAM DANG HUNG, P.7, Q.1
T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATE

I NAME: PHAM THI CHAT LOAN

I DOB: (MMDDYY) 11/25/48 COB: VN

I ADDRESS:

I TELEPHONE (HOME):

(BUSINESS): / /

I CATEGORY: REF PRA USC

ACCOMPANYING RELATIVES

	NAME	SEX	DOB	REL.	COB	FALCON				DOCUMENTATION				OTHER	
						MM	DD	YY	BC	BCT	MC	MCT	GVN		PHOTO
1.	NGUYEN VAN NGHIA	M	08 20 47	PA	VN	08	09	85	X	X	X	X	0	X	1.
2.															2.
3.															3.
4.															4.
5.															5.
6.															6.
7.															7.
8.															8.
9.															9.
10.															10.
11.															11.
12.															12.
13.															13.
14.															14.

FOR OFFICIAL USE ONLY

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

SYMBOL: P21 PRIORITY DATE: 06/30/82 REL-SPONSOR TO PA: WI

VEWL #: 024051.1

SRV #:

JWL:

I I-130 AOR ADS BC BCT MC MCT GVN PHOTO OTHER

I X -- -- I I X X -- -- I-551

USG EMPL/TRAINING (CAT 2):

--/--/-- TO --/--/--

PVT US EMPL/TRAINING (CAT 3-AC):

--/--/-- TO --/--/--

GVN/RVNAF SVC:

US COMBAT AWD:

REED CAMP:

--/--/-- TO --/--/--

CAT 1 PKT: 1/6/83 FLUP: 1/24/83

OTHER: Ready for VEWL & NW, VF needed for entered

CAT 2/3 PKT: --/--/-- FLUP: --/--/--

OTHER:

REPLIST BY: ON: 2/1/85 LOI SENT: 04/24/85

NOTIFIED OF EXIT PERMIT --/--/-- PERMIT # FEEDBACK LIST --/--

OTHER ACTIONS:

MEDICAL PROB:

VOLAG NAME:

VOLAG ASSUR: SOUGHT --/--/--

RECD: --/--/--

V #:

MAN #:

RECONF: SOUGHT --/--/--

RECP --/--/--

POSSIBLE DUPS:

REF IV #:

GIA DINH PROVINCE

AFFIDAVIT FOR BIRTH CERTIFICATE

Year: 1970

Serial No. 1951-----
Transcript from the Court of District of Saigon on Dec. 31, 1963

Serial No. 6715/ND

Affidavit for Birth Certificate is documented for

NGUYEN VAN NGHIA

Because of the above reasons:

Rules that: NGUYEN VAN NGHIA, male, was born
on August 20, 1947 at Thanh My Tay,
Gia Dinh, is natural son of Nguyen Van Le
and Le Thi Chau

Rules that: This judgment is the affidavit for birth
certificate for the child.

Certified true signature
hereby of the Vital Records
Officer of Thanh My Tan District

True transcript from original
record

Thanh My Tay, March 16, 1971

Vital Records Officer
S/NGUYEN VAN BUU

Certified True Signature is
not necessary
Ref. 8/3/78 from Defense Depart.

Chief of District
S/BUI VAN GIANG (Seal)

Translated by Nguyen Thi Yen
Nguyen-Thi-Yen, Former
Interpreter and Translator
for New Mexico Indo-China
Refugee Resettlement Program.

May 23-80
Date

Sworn before me on 23 May 80
in Albuquerque, New Mexico.

Notary Public

My commission expires 4 June 1980.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIA-ĐÌNH

BỘ SỞ QUẢN ĐỘI
BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

XÃ THANH-MỸ-TÂY

Năm 19 70

Số hiệu 1951

Trích Lục Ấn Phòng Lục Sử Tòa Sơ Thẩm Saigon

Tên, họ ấu nhi	Ngày 31.12.1963
Phái	Số: 6715/ND
Sanh (ngày, tháng, năm)	Ấn thể vì khai sanh cò
Tại	NGUYỄN VĂN NGHĨA
Cha (Tên, họ)	Bởi các lễ ấy
Nghề	Phán Rằng: Nguyễn văn Nghĩa, nam sanh
Cư trú tại	ngày 20.8.1947 (ngày hai mươi tháng tám
Mẹ (Tên, họ)	nam một ngàn chín trăm bốn mươi bảy)
Nghề	Thanh mỹ Tây (Gia đình) con chánh thức
Cư trú tại	hóa của Nguyễn văn H Lễ và Lễ thể Ché
Vợ (Chánh hay thứ)	Phán rằng: Ấn này thể vì khai sanh cho
	trẻ ấy./.

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Ủy-viên

Hộ-tịch Xã Thanh-Mỹ-Tây

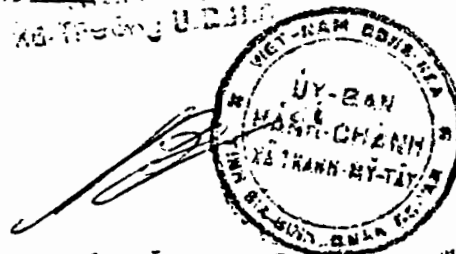
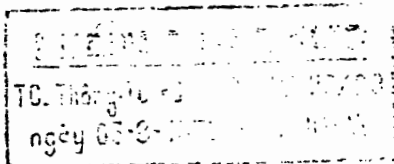
Gò-Vấp, ngày tháng năm 19 KIẾN-THỊ

T.L. QUẬN-TRƯỞNG.

Trích y bản chánh :

Thanh-Mỹ-Tây, ngày 16 tháng 02 năm 1971

UY-VIÊN HỘ-TỊCH,



S. V. D. I. A. N. F.

NGUYỄN VĂN DUY

Embassy of the United States of America
Bangkok, Thailand

March 6, 1985

To Whom It May Concern:

NGUYEN VAN NGHIA born 20 August 1947 (IV 057954)

Address in Vietnam: 118 PHAM DANG HUNG, P.7, Q.1
 T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

VEWL#:U24051

Su Quan Hoa Ky cho phép nhung nguoi co ten tren day di Bangkok, Thai-lan, de nop don tai Su Quan My de sang Hoa Ky, voi dieu kien ho duoc kham suc khoe tai Viet Nam, va duoc phong van qua dai dien Cao Uy Lien Hiep Quoc Dac Trach Ty Nan (UNHCR). Chung toi yeu cau gioi tham quyen cap cho ho Giay Xuat Canh cung nhung giay to can thiet de roi Viet Nam./
The American Embassy gives permission for the above persons to come to Bangkok, Thailand to make application at this Embassy to go to the United States, provided that they have a medical examination in Vietnam and an interview by a representative of the United Nations High Commissioner for Refugees (UNHCR). We request the authorities to issue Exit Permits and the necessary documents to leave Vietnam.

Nhung nguoi ke tren da duoc UNHCR de nghi toi tham quyen Viet Nam theo Lanh Sach Chieu Khan Nhap Canh Hoa Ky./
The names above have been submitted to the Vietnamese authorities by the UNHCR on the American Visa Entry Working List.

Sincerely,


Donald L. Colin
Director
Orderly Departure Office

ODP-I
10/81

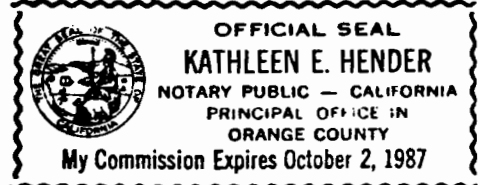
STATE OF CALIFORNIA
COUNTY OF ORANGE

On this 6 day of May, 1985, PHAM, LORNTHI CHAT appeared before me, a Notary Public, in and for the State of California, and has sworn that this is a true copy of the original document which he presented before me.

Kathleen E. Hender

Notary Public

Pham
Signature



UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE

IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE
300 NORTH LOS ANGELES STREET
LOS ANGELES, CALIFORNIA 90012

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

Loan Thichat Pham

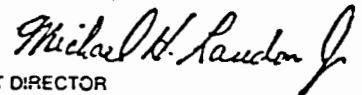
NAME OF BENEFICIARY	
Nghia Van Nguyen	
CLASSIFICATION	FILE NO.
203(a)(2)	I-130
DATE PETITION FILED	DATE OF APPROVAL OF PETITION
6/30/82	10/1/82

Date: 10/29/82

Please be advised that approval of the petition confers upon the beneficiary an appropriate classification. The approval constitutes no assurance that the beneficiary will be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Eligibility for visa issuance is determined only when application therefor is made to a consular officer, eligibility for admission or adjustment is determined only when application therefor is made to an immigration officer. Also, please note the items below which are indicated by "X" marks concerning this petition:

1. ☐ YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT _____ THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS UNDER THE SUPERVISION OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL ADVISE THE BENEFICIARY CONCERNING VISA ISSUANCE. Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.
2. ☐ IF YOU BECOME NATURALIZED AS A CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. AT THE SAME TIME, IF THE PETITION WAS IN BEHALF OF YOUR SON OR DAUGHTER, ALSO ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY EXPEDITE THE ISSUANCE OF A VISA TO THE BENEFICIARY.
3. ☒ YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION, AS SHOWN ABOVE, HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT BANGKOK. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THIS SERVICE HAS NOTHING TO DO WITH THE ACTUAL ISSUANCE OF VISAS. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE UNDER THE JURISDICTION OF THE U.S. DEPARTMENT OF STATE. UNDER THE LAW ONLY A LIMITED NUMBER OF VISAS MAY BE ISSUED BY THAT DEPARTMENT DURING EACH YEAR AND THEY MUST BE ISSUED STRICTLY IN THE CHRONOLOGICAL ORDER IN WHICH PETITIONS WERE FILED FOR THE SAME CLASSIFICATION. WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL INFORM HIM AND CONSIDER ISSUANCE OF THE VISA. Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.
4. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION FOR THIS PURPOSE (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS IN ACCORDANCE WITH THE INSTRUCTIONS CONTAINED THEREIN. (IF THE BENEFICIARY HAD PREVIOUSLY SUBMITTED FORM I-485 WHICH WAS RETURNED TO HIM, HE SHOULD RESUBMIT THAT FORM WITHIN 30 DAYS.)
5. ☐ THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON HIS PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT (FORM I-485).
6. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT HOWEVER, AN IMMIGRANT VISA NUMBER IS NOT PRESENTLY AVAILABLE. THEREFORE, THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A PERMANENT RESIDENT.
7. ☐ ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES THEREOF HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE RETURNED HEREWITH.
8. ☐ REMARKS

VERY TRULY YOURS,



DISTRICT DIRECTOR

I certify that I have compared this copy
with its original and it is a true and
complete copy

Signed: [Signature] Date: 3/28/83

Name: [Signature]

Accredited Representative

Date of Agency Recognition: 3/19/1971

IMMIGRATION AND CITIZENSHIP DEPARTMENT
OF THE CATHOLIC WELFARE BUREAU
ARCHDIOCESE OF LOS ANGELES
1400 W. 9th STREET, LOS ANGELES, CALIF.
P.O. BOX 15095

No 1170/GRT

CERTIFICATE OF RELEASE

In accordance with circular No 066-BCA/TT dated 5-31-1961 of the Ministry of Interior.

In executing Order of Release No 52/ENV/Q dated 12-11-84 of the Ministry of Interior.

A certificate of release is issued to the following person:

Full Name at birth: NGUYEN VAN NGHIA
Current called name:
Born on: 1947
Place of Birth: GIA DINH
Residence before being arrested: 118 Phan Dang Hung, Q1, TP HCM

Accused for: Captain, Training Research Officer, AF/HQC
Booking date: 06-24-75
Sentence:

To be residing at: 118 Phan Dang Hung, Q1, TP HCM

PAST RE-EDUCATION COMMENTS:

.....

(Under probation period of 12 months)
Must report to Ward PC before 01-10-85

Right Index print
of:

Date: 01-02-85
The Warden,

NGUYEN VAN NGHIA

Full Name &
Signature of
issuee:

Col. Trinh van Thich
(Signed & sealed)

Established at:

(signed)

Nguyen van Nghia

(Reverse side)

Confirmation of Security Sce.
I/P released from R-E Camp has
reported to the locality.

Date 01-04-85

Signed: Nguyen Hong Dang

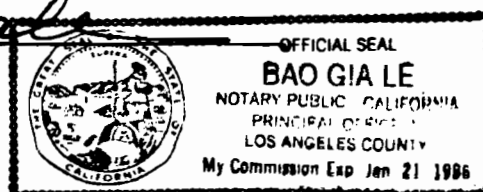
I certify that the above is a true and full translation of the attached document in Vietnamese, that the undersigned is competent to translate from Vietnamese into English.

Signature: Yule
The translator

Subscribed and sworn to before me
on this 29 day of Jan 1985

LOS ANGELES, CA

Bao Gia Le
Notary Public



BỘ NỘI VỤ
Trại Xuân lộc
Số 1170 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	0	8	7	8	1	6	7	3	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 52 BNV/QĐ ngày 11 tháng 12 năm 1984

của BỘ NỘI VỤ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Văn Nghĩa

Sinh năm 19 47

Các tên gọi khác

Nơi sinh Gia định

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 118 Phan Đăng Hưng, Quận 1, TP/HCM

Can tội Đợi ủy sý quan nòng cốt của chương trình huấn luyện BQL/HQ

Bị bắt ngày 24/6/1975

Án phạt TGT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại 118 Phan Đăng Hưng, Quận 1, TP/HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Có biểu hiện an tâm cải tạo, chưa có biểu hiện gì xấu.

Lao động: Đã có nhiều cố gắng, hoàn thành chỉ tiêu được giao

Hội quy: Chưa có sai phạm gì lớn.

(Quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 10 tháng 01 năm 1985.

Lưu tại hồ sơ
của Nguyễn Văn Nghĩa

Đánh dấu

Lưu tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

banphat

Ngày 02 tháng 01 năm 19 85

Giám thị

Chung

Nguyễn Văn Nghĩa. Thượng tá; Trịnh Văn Thích

Xác nhận 04/01/85

S/s H.T. B.

có dân lính gác ở nhà

lưu địa phương

Ngày 04.01.1985

P.04/01

h. 01

ng. 01/01

English Language School



Defense Language Institute

Be it known that

2LT NGUYEN VAN NGHIA (VIETNAM)

has successfully completed the

AMERICAN LANGUAGE COURSE

at this institution and by authority of the

Department of Defense

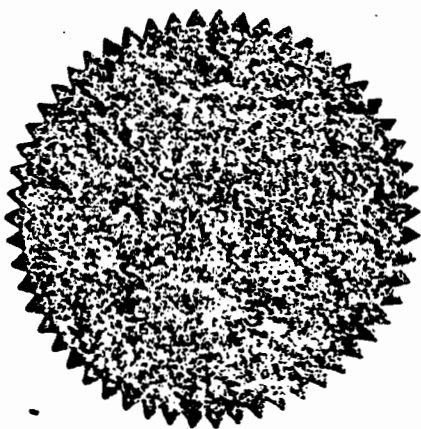
is awarded this

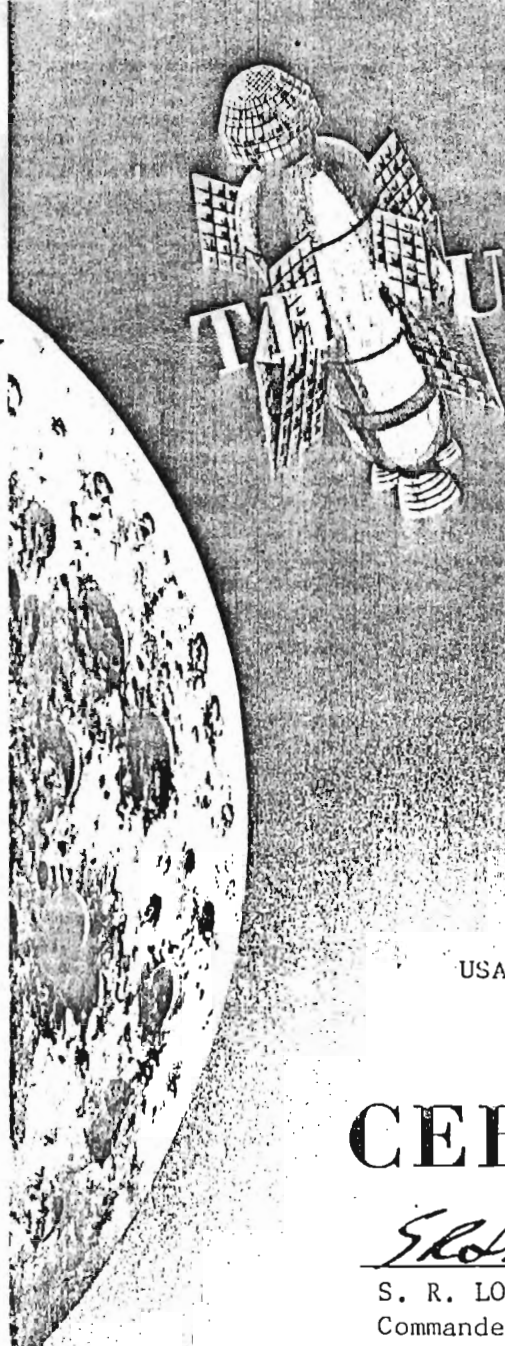
Diploma

Given at Lackland Air Force Base, Texas this 6 day of AUGUST 19 69

Allen G. Theiler
Director of Instruction

[Signature]
Commandant





THE UNITED STATES AIR FORCE



Certifies that

NGUYEN VAN NGHIA

has successfully completed the

UNDERGRADUATE PILOT TRAINING (T-28), COURSE NUMBER P-V4B-B
USAF PILOT TRAINING SCHOOL (MAP), KEESLER AIR FORCE BASE, MISSISSIPPI

and is herewith awarded this

CERTIFICATE of TRAINING

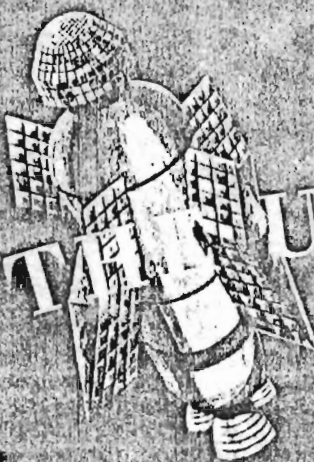
S. R. Lovell

S. R. LOVELL, Colonel, USAF
Commander

21 August 1970

Date





UNITED STATES AIR FORCE



Certifies that

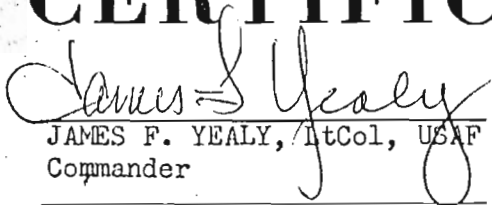
2LT NGHIA, NGUYEN VAN 9334

has successfully completed the

SPECIAL OPERATIONS TRAINING COURSE, A-1 PILOT
(Course # 111102Z)

and is herewith awarded this

CERTIFICATE of TRAINING


JAMES F. YEALY, LtCol, USAF
Commander



18 January 1971

Date

PTCR

Favorable Communications

AF Advsy Gp

APO San Francisco 96307

- 1. 2Lt Nguyen Van Nghia, Class 71-02 Undergraduate Pilot Training (T-28/MAP) is presented an award for Outstanding Achievement in Flying Training.**
- 2. During the nine months of training, each student is carefully evaluated in his flying ability. Throughout the course Lt Nghia has maintained a 95.0 percent average. This is a truly outstanding accomplishment.**
- 3. 2Lt Nghia's achievement reflects great credit upon himself and the Air Force of Vietnam.**
- 4. Request this letter be forwarded to Lt Nghia's Commander and be included as a permanent addition to his official military record.**

**S. R. LOVELL, Colonel, USAF
Commander**



NGUYEN - VAN - NGHIA

born 04 / 20 / 47

VIETNAM

APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEE
TO : THE DIRECTOR, THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
131 SOI TIEN SIANG, SOUTH CATHORN ROAD, BANGKOK 10120
THAILAND

Subject : Request for Immigration to the United States of America
under The Orderly Departure Program

Dear Sir,

1. I, the undersigned NGUYEN VAN NGHIA 2. Regimental number : 67/600398
3. Date and country of Birth : 20/08/1947 Gia đình : VIET NAM
4. Nationality : VIET - NAM 5. Religion : CATHOLIC
6. Sex : ☒ MALE ☐ FEMALE 7. Family status : Marriage
8. Home address : 118 Phạm Đình Hưng E7, Quận I, TP/HCM
9. Military education : ECP (Element commander Pilot)
10. Job title/grade : Captain
11. Armed Forces Branch of service : VNAP
12. Unit : 518 Squadron, 23rd Tactical Wing, III Division AF
13. Place worked : Biên Hòa
14. Civilian education : Baccalaureate
15. Civilian occupation : None
16. Travel/Education outside Vietnam : USA VIA TEXAS, MISSISSIPPI, FLORIDA States
17. US. closest relative : Mrs PHAM THI CHAT LOAN (my wife)
18. US. acquaintance :
19. After April 30, 1975, spent in reeducation NINE /year - SIX /month.
Released from Xuân Lộc Camp on JAN /month 02 /day 1985 /year.
20. Reference : Released certificate number 1170/GRT /Xuân Lộc JAN 02, 1985

Due to the difficulty of my situation, and based on the authority of your Organization and the spirit of the Humanitarian Act, I wish to request your assistance and your intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that I and all my family's members may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection through the ODP, and to immigrate to the United States of America for the purpose of seeking a new life.

Following is our full list :

FULL NAME	SEX	Year of Birth	Married?	Relationship to us	Address
1.	M / F		YES / NO		
2.	M / F		YES / NO		
3.	M / F		YES / NO		
4.	M / M		YES / NO		
5.	M / F		YES / NO		
6.	M / F		YES / NO		
7.	M / F		YES / NO		
8.	M / F		YES / NO		
9.	M / F		YES / NO		
10.	M / F		YES / NO		
11.	M / F		YES / NO		

We would be deeply grateful to You for hearing from You soon.

Respectfully and thankfully yours,

SAIGON. JAN 14 1985

Date

Signature of Applicant

ENCLOSURES :

- 1- Certificate of English language school
- 2- Certificate of undergraduate pilot training (T-28)
- 3- Recognition certificate
- 4- Certificate of Aeronautical Rating
- 5- Notice of Approval of Relative Immigrant Visa Petition
- 6- Favorable Communications
- 7- Certificate of special operations training course, A-1 pilot
- 8- Released certificate

ODP IV / 057954

Date:

Ngày: JAN 14, 1985

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN VĂN NGHIA Sex: Male
Phái: MALE
2. Other Names
Họ, tên khác : None
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 20/08/1947 Gia Đình
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 118 Phạm Đăng Hưng F7, Quận I/TP/HCM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 118 Phạm Đăng Hưng F7 Quận I/TP/HCM
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : None

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia đình
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

MỖ LOAN PHAM THI CHAT

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

My wife

c. Address

Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

April 1979

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

Mrs LEBAS PHILIPPE

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

Sister in-law

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

(Dead when I was a little boy)

2. Mother

Mẹ

Mrs LÊ THỊ CHÂU (LIVING)

3. Spouse

Vợ/Chồng:

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children

Con cái:

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vu : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vu : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vu : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGHIA NGUYEN VAN

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ Đến
May 19 - 1966 April 30 - 1975

3. Last Rank Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng Số thẻ nhân-viên: Captain 64/600398

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chung : 518 Squadron, 23th Tactical. III Division AF.

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Lt Colonel LÊ QUỐC HÙNG

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

NONE

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

MAJ. BENNETT

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương trình huấn luyện quân sự
tại Viet-Nam

BASIC MILITARY, U-17A TRAINING, English Language

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phân-thưởng hoặc giấy khen: U.S. AWARD

Ngày nhận: Aug 21 - 1970

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☒ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thư nếu có.
Đừng sợ có không? Có ☒ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NGHĨA NGUYỄN VĂN

2. School and School Address

Trường và địa-chỉ nhà trường

- English language school - Lackland AFB TEXAS
- T-41 Training - Randolph AFB TEXAS
- T-28 Training - Keesler AFB MISSISSIPPI
- A-1 TACTICAL Training - Hurlburt Field FLORIDA

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From To
Từ: JAN 1969 Đến: JAN 1971

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

- English Comprehension level
- T-41 Primary Flying
- T-28 ungraduate pilot training
- A-1 special operations training course

5. Who paid for training?

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện? : U.S.A. GOVERNMENT

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☒ No ☐)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☒ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo: NGHĨA NGUYỄN VĂN

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

Từ: 24/06/1975 Đến: 02/01/1985

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

RELEASED

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Các chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên:

loangma

Date

Ngày:

JAN 14 - 1985

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này



CERTIFICATE OF AERONAUTICAL RATING

FROM THE DEPARTMENT OF THE AIR FORCE OF THE UNITED STATES OF AMERICA

TO ALL WHO SHALL SEE THESE PRESENTS, GREETINGS:

THIS IS TO CERTIFY THAT

Nguyen Han Nghia

HAS SATISFACTORILY COMPLETED THE
PRESCRIBED COURSES OF INSTRUCTION
OF THE AIR TRAINING COMMAND.

SPECIALIZING IN

UNDERGRADUATE PILOT TRAINING

IN TESTIMONY WHEREOF AND BY VIRTUE OF
VESTED AUTHORITY I DO CONFER UPON HIM THIS
DIPLOMA AND THE AERONAUTICAL RATING OF:

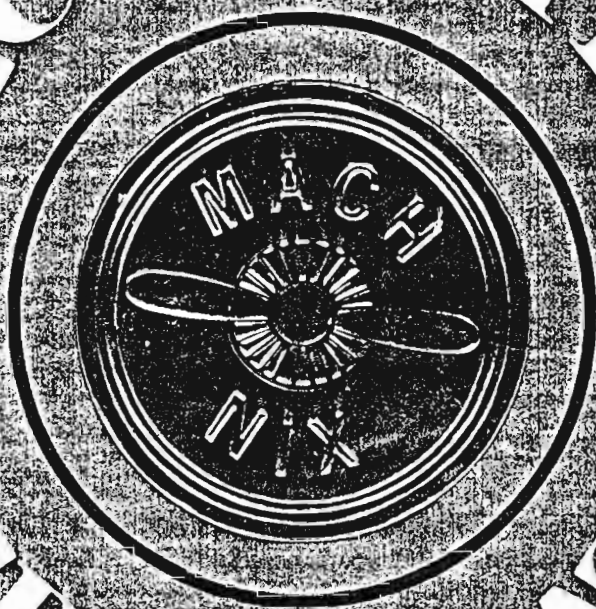
PILOT

GIVEN AT KEESLER AFB, MISSISSIPPI ON THIS FIRST
DAY OF SEPTEMBER IN THE YEAR OF OUR LORD ONE THOUSAND
NINE HUNDRED AND SEVENTY



Hal E. Ercanbrack
HAL E. ERCANBRACK
Colonel, USAF

RECOGNITION CERTIFICATE



A-1



A-26



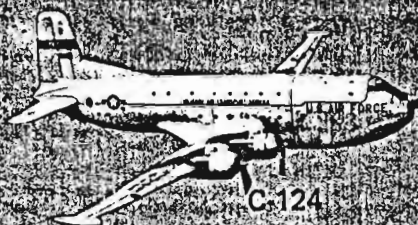
C-47



HC-54



C-118



C-124



C-133

2LT NGHTA, NGUYEN VAN

The lofty sentiments expressed in this instrument are in recognition and appreciation of high - flown service performed by the intrepid members of the Society Mach Nix. Disdaining the decadence of automated flight, Mach Nixers have through their devotion and dedication to propeller driven aircraft sustained and perpetuated the glory and romance of true flight in all of its finest and noblest traditions. Ole!

18 January 1971

Date

James J. Geary
Commanding Officer

John W. McInnis
President, Douglas Aircraft Company

MCDONNELL DOUGLAS

C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; Letter

5/31/89